

Bản án số: 19/2022/HS-ST
Ngày: 15 - 02 - 2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang

Thẩm phán: Ông Trương Ngọc Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Trân

2. Bà Đào Thị Kim Loan

3. Ông Đoàn Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hồ – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Thị Tuyết V – Sinh năm: 1964, tại Bà Rịa- Vũng Tàu. Nơi ĐKTT: Số 1013/27 đường 30/4 phường 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; chỗ ở: Lô 14 căn 44 khu dân cư A, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; con ông Trần Văn N và bà Lâm Thị S, chồng Trần Ngọc C, con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2020 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C an tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Hoàng Q – Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- Bị hại: Bà Trần Thị Mai D, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 310 Phan Đăng L, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 710/28 Hậu Giang, phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 5 đường P, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Tuyết V sinh năm 1964, đăng ký thường trú: 1013/27 đường 30/4, Phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có mối quan hệ quen biết với bà Trần Thị Mai D sinh năm 1977, cư trú: 310 Phan Đăng Lưu, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang nhiều năm nên V hỏi vay tiền của bà D nhiều lần với mục đích phục vụ việc đánh bắt hải sản. Lúc đầu, do làm ăn có uy tín nên bà D tin tưởng cho Trần Thị Tuyết V vay tiền nhiều lần với lãi suất 03%/tháng. Đến năm 2019, Trần Thị Tuyết V không còn khả năng thanh toán tiền lãi và tiền gốc cho bị hại D nên bỏ trốn khỏi địa phương để chiếm đoạt tiền của bà D. Cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 21/12/2016, V vay của bà D số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), lãi suất 03%/tháng (có biên nhận).

- Lần thứ hai: Vào ngày 27/12/2017, V vay của bà D số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi suất 03%/tháng (có biên nhận).

- Lần thứ ba: Vào ngày 29/12/2017, V vay của bà D số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) lãi suất 03%/tháng (không có biên nhận).

Tổng cộng Trần Thị Tuyết V đã vay của bị hại D số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) sau đó bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra, V thừa nhận có vay của bà D số tiền 600.000.000 đồng, do không còn khả năng trả lãi và gốc tên đã bỏ trốn khỏi địa phương nhằm chiếm đoạt số tiền nói trên. V trình bày đã trả tiền lãi cho bà D được khoảng 100.000.000 đồng nhưng việc trả không có tài liệu chứng minh. Bà D thừa nhận bà V đã đóng lãi được 02 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và truy tố, V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Hiện V đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại Trần Thị Mai D số tiền 600.000.000 đồng, bà D có đơn bãi nại cho V.

Tại Bản Kết luận giám định số: 411/KL-KTHS, ngày 12/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự C an tỉnh Kiên Giang kết luận:

Chữ ký dạng đọc được “V” trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký dạng đọc được “V” trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M10 đến M13 **do cùng một người ký ra.**

Chữ viết ghi họ tên “Trần Thị Tuyết V” trên mẫu cần giám định ký

hiệu A3 và A4 so với chữ viết ghi họ tên “Trần Thị Tuyết V” trên các mẫu so sánh ký hiệu M10 và M11 **do cùng một người viết ra.**

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Trần Thị Tuyết V trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ ký dạng đọc được “V” trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M10 đến M13 có phải do cùng một người ký ra hay không.

*Tại bản Cáo trạng số: 44/CT – VKSTKG – P2 ngày 09/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Trần Thị Tuyết V về tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.*

*** Tại phiên tòa:**

- *Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền C tố luận tội và tranh luận như sau:* Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự và nhận định: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới tài sản của người khác một cách trái pháp luật; bị cáo vì động cơ vụ lợi, đã lợi dụng lòng tin của bị hại, gây thiệt hại về kinh tế gia đình bị hại và gây tâm lý bức xúc cho bị hại, đồng thời làm mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý bị cáo bằng mức án nghiêm, để cải tạo, giáo dục bị cáo, cũng như răn đe phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường toàn bộ cho bị hại, chưa có tiền án, tiền sự, bị hại xin giảm án cho bị cáo. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

- Áp dụng: Khoản 4 Điều 175, điểm b và s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị Tuyết V –Mức án từ 05 năm đến 06 năm tù.**

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ số tiền 600 triệu đồng và không có yêu cầu gì thêm.

- *Luật sư phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo như sau:* Thống nhất Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, Luật sư đề nghị HĐXX xem xét về nguyên nhân, điều kiện phạm tội của bị cáo, do hoàn cảnh gia đình bị cáo không hạnh phúc, C việc làm ăn gặp nhiều khó khăn và nhận thức pháp luật của bị cáo không đúng nên bị cáo đã bỏ đi đến nhà của anh chị em để sống. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ là ăn năn hối cải; thành khẩn khai báo; bồi thường cho bị hại, ngoài ra bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, hạn chế nhận thức về pháp luật, bị hại xin giảm nhẹ cho

bị cáo. Nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

- *Bị hại Trần Thị Mai D có ý kiến:* Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, bị cáo biết lỗi và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra C an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, Luật sư, người liên quan không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ 21/12/2016 đến ngày 29/12/2017 bị cáo Trần Thị Tuyết V lợi dụng mối quan hệ quen biết với bị hại Trần Thị Mai D nên đã vay tiền của bị hại nhiều lần với tổng số tiền là 600.000.000 đồng, sau đó bỏ trốn khỏi địa phương nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo đã phù hợp với nội dung Cáo trạng, kết luận điều tra, phù hợp với lời khai và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Trần Thị Tuyết V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo lợi dụng sự quen biết, tin tưởng của người bị hại, vay tiền bị hại nhiều lần mục đích để làm ăn, tuy nhiên khi làm ăn thua lỗ thì bị cáo không trả tiền cho bị hại mà bỏ trốn khỏi địa phương để chiếm đoạt toàn bộ số tiền đã vay 600.000.000 đồng của bị hại. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của bị hại một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình bị hại và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm mục đích răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin bãi nại và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Do vậy, cần áp dụng các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp; đồng thời áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt cũng đủ nghiêm nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nước ta.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, đánh giá hành vi, tính chất phạm tội, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo cũng như mức án đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo là có căn cứ và phù hợp nhận định HĐXX nên chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo: Luật sư đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như trên là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 600.000.000 đồng, bị cáo đã khắc phục xong toàn bộ số tiền này cho bị hại, tại phiên tòa bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xét.

Đối với số tiền 600.000.000 đồng mà anh Trần Ngọc T (con ruột bị cáo) bỏ ra bồi thường thay cho bị cáo để khắc phục cho bị hại, tại phiên tòa anh T xác định số tiền này có từ việc bán tài sản chung của vợ chồng bị cáo, không phải là tài sản của anh T nên miễn xét.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Đối với vai trò của ông Trần Ngọc C, Hội đồng xét xử xét qua thẩm vấn và xét hỏi tại phiên tòa ngày 29/12/2021 nhận thấy ông C có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, HĐXX đã quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ vai trò của ông C có đồng phạm hay không, tuy nhiên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã có văn bản cho rằng việc xem xét ông C có vai trò đồng phạm là không có cơ sở nên giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy cần tiếp tục kiến nghị Cơ quan điều tra C an tỉnh Kiên Giang để điều tra, làm rõ vai trò của ông C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

*** Tuyên bố:** Bị cáo **Trần Thị Tuyết V** phạm tội “**Lạm dụng tín nhiệm**

chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Áp dụng: Khoản 4 Điều 175, điểm b và s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị Tuyết V – 05 (Năm)** năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/12/2020.

* **Về án phí:** Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* **Quyền kháng cáo:** Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1)
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Dương sự (3);
- Luật sư (1);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Quang